

HƯỚNG DẪN
Về việc ôn thi tốt nghiệp môn Chính trị
(Theo giáo trình của Tổng cục dạy nghề)

A. Hệ Trung cấp nghề.

- Chọn 1 trong 2 đề, mỗi đề 1 câu, mỗi câu 10 điểm
- Thời gian: 60 phút

Câu 1: Các tiền đề hình thành học thuyết Mac.

GỢI Ý:

- a- Tiền đề Kinh tế - xã hội.
- b- Tiền đề Lý luận và Khoa học.
- c- Vai trò nhân tố chủ quan.

Câu 2: Nguồn gốc hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh.

GỢI Ý:

- a- Hoàn cảnh lịch sử.
- b- Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kế thừa và phát triển truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.
- c- Kế thừa, tiếp thu tinh hoa văn hóa phương Đông và phương Tây.
- d- Chủ nghĩa Mác Lê Nin là nguồn gốc lý luận.
- e- Phẩm chất và năng lực cá nhân Hồ Chí Minh.

Câu 3: Những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng.

GỢI Ý:

- a- Đạo đức là cái gốc của người cách mạng.
- b- Trung với nước, hiếu với dân là phẩm chất quan trọng nhất của đạo đức cách mạng.
- c- Đạo đức cách mạng là phải hết lòng thương yêu con người.
- d- Cốt lõi của đạo đức cách mạng.



- e- Đạo đức cách mạng là có tinh thần quốc tế trong sáng.
- f- Tư tưởng Hồ Chí Minh về chuẩn mực đạo đức Cách mạng.
- g- Hồ Chí Minh về con đường, phương pháp rèn luyện đạo đức.
- h- Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Câu 4: Trình bày những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Nêu những đặc điểm và điều kiện để quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

GỢI Ý:

a. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội: (Nêu 4 đặc trưng cơ bản)

- Cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH là nền sản xuất công nghiệp hiện đại.
- Có quan hệ SX tiến bộ trên cơ sở xóa bỏ chế độ tư hữu TBCN, thiết lập chế độ công hữu về những TLSX. Thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động – nguyên tắc phân phối cơ bản nhất.
- Có nền văn hóa và tư tưởng tiến bộ dựa trên lối sống bình đẳng, dân chủ và chủ nghĩa tập thể, tạo những điều kiện cơ bản để con người phát triển toàn diện.
- Các dân tộc trên thế giới đoàn kết, hữu nghị và bình đẳng, cùng đi lên CNXH.

b. Đặc điểm và điều kiện để quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

- **Nêu được các đặc điểm:**
 - + Nhà nước của thời kỳ ấy là nhà nước của GCVS.
 - + Đất nước kém phát triển
- **Liên hệ thực tiễn trên thế giới sau CM tháng 10 Nga**
- **Nêu được các Điều kiện:**
 - + Các điều kiện chủ quan:
 - Đảng CS phải lấy chủ nghĩa Mác – Lênin là nền tảng, phải giành và giữ vững sự lãnh đạo; có chính quyền XHCN trong tay mình.
 - Có liên minh GCCN, nông dân và trí thức.
 - Có nhà nước XHCN được thiết lập, củng cố và ngày càng hoàn thiện, quyết tâm đưa đất nước quá độ lên CNXH, bỏ qua chế độ TBCN.



+ Các điều kiện khách quan: Phải có một nước giành thắng lợi trong cách mạng vô sản, tiến lên xây dựng CNXH. Công cuộc xây dựng CNXH ở nước này là tấm gương tạo điều kiện để giúp đỡ các nước lạc hậu tiến lên CNXH bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN.

- Liên hệ thực tiễn Việt Nam.

Câu 5: Mục tiêu và phương hướng cơ bản của quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ.

GỢI Ý:

- a. Nêu được Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta Cương lĩnh năm 1991 do Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6-1991) Với 6 đặc trưng và 7 phương hướng cơ bản.
- b. Nêu 8 đặc trưng cơ bản với các phương hướng cơ bản và phương hướng tổng quát của năm 2006 – 2010 do Đại hội ĐB lần thứ X của Đảng (4-2006) xác định.

Câu 6: Chủ trương và chính sách phát triển các thành phần kinh tế ở nước ta.

GỢI Ý:

a. Nêu được các chủ trương về phát triển các thành phần kinh tế:

- Xác định mô hình kinh tế ở Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Trên cơ sở ba chế độ sở hữu hình thành nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế cạnh tranh lành mạnh.
- Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo
- Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền KT.
- Xoá bỏ sự phân biệt đối xử theo hình thức sở hữu.
- Thực hiện chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp.

b. Trình bày được nội dung các chính sách phát triển các thành phần kinh tế:

- Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.
- Tiếp đổi mới và phát triển các loại hình kinh tế tập thể.
- Phát triển mạnh các hộ kinh doanh cá thể và các loại hình doanh nghiệp.



- Thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài.

Câu 7: Nêu các điều kiện và giải pháp phát triển kinh tế thị trường ở nước ta.

GỢI Ý:

1. Điều kiện để phát triển kinh tế thị trường ở nước ta:

a. Thuận lợi :

- Chúng ta đang ở thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá , hiện đại hoá đất nước, có cơ sở vật chất kỹ thuật đã được xây dựng từ trước đến nay nhất là trong hơn 20 năm đổi mới.
- Chế độ chính trị ổn định , kinh tế tăng trưởng khá , cơ bản ổn định , an ninh chính trị được giữ vững.
- Vị trí địa lý – chính trị nước ta rất quan trọng , nhân lực khá dồi dào , tài nguyên đa dạng.
- Có khả năng tiếp thu các thành tựu khoa học công nghệ , kinh tế của các nước tiên tiến trên thế giới.

b. Khó khăn:

- Xuất phát từ nước nông nghiệp lạc hậu, kém phát triển.
- Lao động thủ công là chủ yếu. Lao động qua đào tạo nghề còn ít. Đời sống nhân dân còn khó khăn.
- Năng lực cạnh tranh còn thấp. Năng suất lao động chưa cao.
- Thực hiện phát triển kinh tế với thực hiện công bằng xã hội còn hạn chế.

2. Giải pháp phát triển kinh tế thị trường ở nước ta:

Tiếp tục hoàn thiện kinh tế thị trường định hướng XHCN bằng cách:

+ **Thứ 1:** Nắm vững định hướng XHCN trong nền kinh tế thị trường:

- KTTT phải nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.
- Phát triển nền kinh tế với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế , trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo , cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

- Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách phát triển.



- Tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá , giáo dục , y tế ... vì mục tiêu phát triển con người.
- Phát huy quyền làm chủ của nhân dân , bảo đảm vai trò quản lý và điều tiết nền kinh tế của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- + **Thứ 2:** Nhà nước phải nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý kinh tế bằng pháp luật, có chiến lược , quy hoạch , kế hoạch , cơ chế chính sách và tạo môi trường pháp lý thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế; ổn định kinh tế vĩ mô.
- + **Thứ 3:** Phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả sự vận hành các loại thị trường cơ bản theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh.
- + **Thứ 4:** Phát triển mạnh các thành phần kinh tế , các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh.

*** LƯU Ý:**

Những ý chính cơ bản trọng tâm phải đầy đủ , sau đó sinh viên mới phân tích và dẫn chứng thêm. Nếu chỉ nêu đủ ý trọng tâm không phân tích thì sinh viên có thể đạt ½ số điểm tùy cấu trúc, tính lôgic của vấn đề trong bài làm của sinh viên.

Câu 8: Trình bày mục tiêu và quan điểm của Đảng và nhà nước ta đối với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

GỢI Ý:

1. Mục tiêu:

- *Mục tiêu lâu dài* của CNH-HĐH là xây dựng đất nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của LLSX, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh.
- *Mục tiêu trung hạn* là ra sức phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

2. Quan điểm:

Toàn bộ công cuộc CNH-HĐH đất nước trong thời kỳ mới được tiến hành theo những quan điểm chỉ đạo sau:



Một là: Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước là chính đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài trên cơ sở xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả.

Hai là: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, của mỗi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo.

Ba là: Lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. Động viên toàn dân cần kiệm xây dựng đất nước, không ngừng tích lũy cho đầu tư phát triển. Tăng trưởng kinh tế gắn với cải thiện đời sống nhân dân, phát triển văn hóa giáo dục, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

Bốn là: Khoa học và công nghệ là động lực của CNH-HĐH. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định.

Năm là: Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ. Đầu tư chiều sâu để khai thác tối đa năng lực sản xuất hiện có. Trong phát triển mới, ưu tiên quy mô vừa và nhỏ, công nghệ tiên tiến, tạo nhiều việc làm, thu hồi vốn nhanh; đồng thời, xây dựng một số công trình quy mô lớn thật cần thiết và có hiệu quả. Tạo ra những mũi nhọn trong từng bước phát triển. Tập trung thích đáng nguồn lực cho các lĩnh vực, các địa bàn trọng điểm; đồng thời, quan tâm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của mọi vùng trong nước; có chính sách hỗ trợ những vùng khó khăn, tạo điều kiện cho các vùng phát triển.

Sáu là: Kết hợp chặt chẽ và toàn diện phát triển kinh tế với củng cố tăng cường nền quốc phòng – an ninh của đất nước.

Tiếp tục thực hiện những quan điểm chỉ đạo trên, Đại hội X của Đảng nhấn mạnh một số vấn đề sau:



Thứ nhất: Tranh thủ cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và tiềm năng, lợi thế của nước ta để rút ngắn quá trình CNH-HĐH đất nước theo định hướng XHCN gắn với phát triển kinh tế tri thức.

Thứ hai: Coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và CNH-HĐH. Phát triển mạnh các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức; kết hợp việc sử dụng nguồn vốn tri thức của con người Việt Nam với tri thức mới nhất của nhân loại.

Thứ ba: Coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng kinh tế trong mỗi bước phát triển của đất nước, ở từng vùng, từng địa phương, trong từng dự án KT-XH.

Thứ tư: Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý theo ngành, lĩnh vực và lãnh thổ. Giảm chi phí trung gian, nâng cao năng suất lao động của tất cả các ngành, lĩnh vực có sức cạnh tranh cao.

*** LƯU Ý:**

Những ý chính cơ bản trọng tâm phải đầy đủ, sau đó sinh viên mới phân tích và dẫn chứng thêm. Nếu chỉ nêu đủ ý trọng tâm không phân tích thì sinh viên có thể đạt ½ số điểm tùy cấu trúc, tính lôgic của vấn đề trong bài làm của sinh viên.

Câu 9: Quan điểm của Đảng về xây dựng và phát triển giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay như thế nào?.

GỢI Ý:

Nghị quyết Đại hội X của Đảng nêu 5 quan điểm chỉ đạo trong xây dựng giai cấp công nhân thời gian tới.

Một là, kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng cộng sản Việt Nam.

- Giai cấp công nhân Việt Nam là giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; là giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

- Giai cấp công nhân Việt Nam là lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng.



- Sự lớn mạnh của giai cấp công nhân Việt Nam là một điều kiện tiên quyết bảo đảm thành công của công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hai là, xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh phải gắn kết hữu cơ với xây dựng, phát huy sức mạnh của khối liên minh giai cấp và dân tộc, đoàn kết quốc tế.

- Xây dựng giai cấp công nhân gắn với phát huy sức mạnh của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Xây dựng giai cấp công nhân gắn với phát huy sức mạnh của tất cả các giai cấp, các tầng lớp xã hội trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc - động lực chủ yếu của sự phát triển đất nước.

- Xây dựng giai cấp công nhân gắn với tăng cường quan hệ đoàn kết, hợp tác quốc tế với giai cấp công nhân trên toàn thế giới.

Ba là, chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh phải gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế.

- Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội và chăm lo xây dựng giai cấp công nhân.

- Bảo đảm hài hòa lợi ích giữa công nhân, người sử dụng lao động, Nhà nước và toàn xã hội.

- Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công nhân, quan tâm giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc, cấp bách của giai cấp công nhân.

Bốn là, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân, không ngừng trí thức hóa giai cấp công nhân là một nhiệm vụ chiến lược.

Thực hiện quan điểm này cần đặc biệt quan tâm xây dựng thế hệ công nhân trẻ có học vấn, chuyên môn kỹ năng nghề nghiệp cao, ngang tầm khu vực và quốc tế, có lập trường giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng, trở thành bộ phận nòng cốt của giai cấp công nhân.

Năm là, xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và sự nỗ lực vươn lên của bản thân mỗi người công nhân, sự tham gia đóng góp tích cực của người sử dụng lao động.



- Sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước có vai trò quyết định trong việc xây dựng giai cấp công nhân. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh phải gắn liền với xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.
- Công đoàn có vai trò quan trọng trực tiếp trong việc chăm lo xây dựng giai cấp công nhân. Xây dựng tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong giai cấp công nhân vững mạnh.

LUU Ý: Sinh viên nêu được mỗi quan điểm được trọn 2 điểm nếu trong quá trình nêu quan điểm có phân tích thêm..

Câu 10: Nêu vị trí và tính chất của tổ chức Công đoàn Việt Nam.

GỢI Ý:

1. Vị trí của tổ chức Công đoàn Việt Nam:

- Công đoàn là một thành viên trong hệ thống chính trị xã hội của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.
- Công đoàn là trung tâm tập hợp, đoàn kết, giáo dục, rèn luyện, xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân và những người lao động.
- Công đoàn là chỗ dựa vững chắc của Đảng, là sợi dây nối liền Đảng với quần chúng công nhân lao động.
- Công đoàn là người cộng tác đắc lực của Nhà nước chuyên chính vô sản.

2. Tính chất của tổ chức Công đoàn Việt Nam:

- Công đoàn Việt Nam có tính giai cấp và tính quần chúng.
 - a. Tính chất giai cấp của CĐVN thể hiện ở GCCN Việt Nam là cơ sở xã hội để hình thành, tồn tại và phát triển tổ chức Công đoàn . CĐ đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của GCCN, của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Công đoàn hoạt động nhằm mục tiêu chính trị của Đảng và hoàn thành sứ mệnh lịch sử của GCCN . Tổ chức và hoạt động của Công đoàn theo nguyên tắc tập trung dân chủ.
 - b. Tính chất quần chúng của CĐVN thể hiện ở chỗ CĐ kết nạp tất cả công nhân , viên chức và lao động vào tổ chức mình không phân biệt nghề nghiệp , tín ngưỡng và thành phần kinh tế . Cơ quan lãnh đạo của Công đoàn Việt Nam do đoàn viên tín nhiệm



bầu ra qua các kỳ đại hội, cán bộ công đoàn đều trưởng thành từ phong trào quần chúng. Nội dung hoạt động của công đoàn đáp ứng yêu cầu nguyện vọng chính đáng và vì lợi ích của công nhân, viên chức lao động.

- Tính giai cấp và tính quần chúng của công đoàn có quan hệ gắn bó mật thiết phản ánh bản chất và quyết định sự tồn tại, phát triển của Công đoàn.



B. Hệ Cao đẳng nghề:

- Chọn 1 đề, mỗi đề 2 câu, mỗi câu 5 điểm
- Thời gian: **90 phút**

Câu 1: Các tiền đề hình thành học thuyết Mác.

GỢI Ý:

- a- Tiền đề Kinh tế xã hội.
- b- Tiền đề Lý luận và Khoa học.
- c- Vai trò nhân tố chủ quan.

Câu 2: Nguồn gốc hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh.

GỢI Ý:

- a- Hoàn cảnh lịch sử.
- b- Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kế thừa và phát triển truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.
- c- Kế thừa, tiếp thu tinh hoa văn hóa phương Đông và phương Tây.
- d- Chủ nghĩa Mác Lê Nin là nguồn gốc lý luận.
- e- Phẩm chất và năng lực cá nhân Hồ Chí Minh.

Câu 3: Những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng.

GỢI Ý:

- a- Đạo đức là cái gốc của người cách mạng.
- b- Trung với nước, hiếu với dân là phẩm chất quan trọng nhất của đạo đức cách mạng.
- c- Đạo đức cách mạng là phải hết lòng thương yêu con người.
- d- Cốt lõi của đạo đức cách mạng.
- e- Đạo đức cách mạng là có tinh thần quốc tế trong sáng.
- f- Tư tưởng Hồ Chí Minh về chuẩn mực đạo đức Cách mạng.
- g- Hồ Chí Minh về con đường, phương pháp rèn luyện đạo đức.
- h- Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.



Câu 4: Những quy luật cơ bản của sự vận động và phát triển xã hội.

GỢI Ý:

a. Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển lực lượng sản xuất:

Trình bày và phân tích nội dung của quy luật, đảm bảo các ý sau:

- Tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất.
- Mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.
- + Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất
- Trình độ của lực lượng sản xuất thế nào về tính chất và trình độ thì quan hệ sản xuất phải như thế ấy để phù hợp.
- Khi lực lượng sản xuất cũ mất, lực lượng sản xuất mới ra đời thì quan hệ sản xuất cũ cũng mất đi, quan hệ sản xuất mới được xây dựng.
- + Quan hệ sản xuất tác động trở lại lực lượng sản xuất.
- Nếu quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất thì nó là động lực thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, ngược lại thì nó kìm hãm, thậm chí phá vỡ lực lượng sản xuất.
- Sự phù hợp thể hiện ở chỗ quan hệ sản xuất tạo những điều kiện, tiền đề cho các yếu tố của lực lượng sản xuất kết hợp với nhau để sản xuất tiến hành bình thường, có năng suất lao động cao.
- Sự phù hợp không phải thiết lập một lần là xong mà là một quá trình. Mỗi khi sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất bị phá vỡ là một lần điều chỉnh, thay bằng sự phù hợp khác cao hơn

b. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng:

Trình bày nội dung của quy luật, đảm bảo các ý sau

- Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng.
- + Mỗi cơ sở hạ tầng hình thành nên một kiến trúc thượng tầng tương ứng với nó.
- + Khi cơ sở hạ tầng thay đổi, thì kiến trúc thượng tầng cũng biến đổi theo để đảm bảo sự tương ứng.



- + Khi cơ sở hạ tầng cũ mất đi thì sớm hay muộn kiến trúc thượng tầng cũ cũng mất đi, kiến trúc thượng tầng mới ra đời theo để đảm bảo sự tương ứng.
- Kiến trúc thượng tầng tác động trở lại cơ sở hạ tầng.
- + Kiến trúc thượng tầng có tính độc lập tương đối và tác động trở lại cơ sở hạ tầng sinh ra nó.

* **Liên hệ thực tiễn: Sự vận dụng các quy luật này của Đảng ta.**

LƯU Ý: Khi trình bày các quy luật, sinh viên nêu dẫn chứng thực tế và phân tích theo hiểu biết của mình để làm sáng tỏ thêm nội dung quy luật

Câu 5: Vấn đề nhà nước và dân tộc.

GỢI Ý:

a. Bản chất, đặc trưng và chức năng của nhà nước:

Trình bày các ý đảm bảo nội dung sau:

- Bản chất của nhà nước thể hiện ở ba đặc trưng cơ bản.
- Nhà nước có hai chức năng chính là đối nội và đối ngoại.
- Những đặc điểm của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.
- Liên hệ sự vận dụng của Đảng.

b. Dân tộc, tính giai cấp của vấn đề dân tộc và dân tộc Việt Nam:

Trình bày các ý đảm bảo nội dung sau:

- Các đặc trưng cơ bản của dân tộc.
- Vấn đề giai cấp và dân tộc và mối quan hệ giữa chúng.
- Những đặc điểm dân tộc Việt Nam.

Câu 6: Đặc trưng cơ bản của CNXH. Mục tiêu và phương hướng cơ bản của quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ.

GỢI Ý:

a. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội: (Nêu 4 đặc trưng cơ bản)

b. Mục tiêu và phương hướng cơ bản của quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ.



- Nêu được mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta với 6 đặc trưng và 7 phương hướng cơ bản Cương lĩnh năm 1991 do Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6-1991).
- Nêu 8 đặc trưng cơ bản với các phương hướng cơ bản và phương hướng tổng quát của năm 2006 – 2010 do Đại hội ĐB lần thứ X của Đảng (4-2006) xác định.

Câu 7: Trình bày phương hướng và quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách xã hội.

GỢI Ý:

- Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước phát triển.
- Đảng tiến hành đấu tranh cách mạng nhằm mục tiêu cao nhất là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người.
- Đảng khẳng định nhân tố con người là nhân tố quyết định trong tự phát triển, là chủ thể của mọi sáng tạo, mọi nguồn gốc của cải vật chất và tinh thần, mọi nền văn minh.
- Đảng quan tâm xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách, Đảng coi đó là một hướng chiến lược, thể hiện tính ưu việt của chế độ XHCN.

LƯU Ý: Khi trình bày phải nêu cả phương hướng và quan điểm cơ bản kèm theo phân tích theo hiểu biết của sinh viên.

Câu 8: Nêu các điều kiện và giải pháp để phát triển kinh tế thị trường ở nước ta theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

GỢI Ý:

1. Điều kiện để phát triển kinh tế thị trường ở nước ta:

a. Thuận lợi:

- Chúng ta đang ở thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, có cơ sở vật chất kỹ thuật đã được xây dựng từ trước đến nay nhất là trong hơn 20 năm đổi mới.
- Chế độ chính trị ổn định, kinh tế tăng trưởng khá, cơ bản ổn định, an ninh chính trị được giữ vững.



- Vị trí địa lý – chính trị nước ta rất quan trọng , nhân lực khá dồi dào , tài nguyên đa dạng.

- Có khả năng tiếp thu các thành tựu khoa học công nghệ , kinh tế của các nước tiên tiến trên thế giới.

b. Khó khăn:

- Xuất phát từ nước nông nghiệp lạc hậu, kém phát triển.
- Lao động thủ công là chủ yếu . Lao động qua đào tạo nghề còn ít . Đời sống nhân dân còn khó khăn.

- Năng lực cạnh tranh còn thấp. Năng suất lao động chưa cao.

- Thực hiện phát triển kinh tế với thực hiện công bằng xã hội còn hạn chế.

2. Giải pháp phát triển kinh tế thị trường ở nước ta:

Tiếp tục hoàn thiện kinh tế thị trường định hướng XHCN bằng cách:

(1) Nắm vững định hướng XHCN trong nền kinh tế thị trường.

- KTTT phải nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.
- Phát triển nền kinh tế với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế , trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo , cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

- Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách phát triển.

- Tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá , giáo dục , y tế ... vì mục tiêu phát triển con người.

- Phát huy quyền làm chủ của nhân dân , bảo đảm vai trò quản lý và điều tiết nền kinh tế của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng.

(2) Nhà nước phải nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý kinh tế bằng pháp luật, có chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế chính sách và tạo môi trường pháp lý thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế; ổn định kinh tế vĩ mô.

(3) Phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả sự vận hành các loại thị trường cơ bản theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh.

(4) Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh.



LƯU Ý: Tùy mức độ phân tích và trình bày sự hiểu biết của sinh viên để chấm thang điểm từng phần từ thấp đến cao.

Câu 9: Trình bày những hiểu biết của anh, chị về giai cấp công nhân Việt Nam, vị trí và tính chất của Công đoàn Việt Nam.

GỢI Ý:

1. Giai cấp công nhân Việt Nam:

- GCCN Việt Nam ra đời và trưởng thành từ khi thực dân Pháp đặt chính sách khai thác thuộc địa tại Việt Nam (từ năm 1897).
- GCCCN Việt Nam xuất thân chủ yếu từ nông dân.
- GCCN Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển.
- GCCN là giai cấp tiên tiến nhất. Phân tích lý do tại sao.
- GCCN từ hoàn cảnh ra đời của mình nên đã tr ở thành lực lượng chính trị độc lập , tự giác, nhanh chóng duy nhất nắm quyền lãnh đạo cách mạng .
- GCCN gánh vác sứ mệnh lịch sử to lớn của thời đại hiện nay.
- GCCN Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam cho mọi hành động.
- GCCN Việt Nam là trung tâm của khối đại đoàn kết dân tộc , là người lãnh đạo đáng tin cậy của nhân dân Việt Nam.

2. Vị trí của tổ chức Công đoàn Việt Nam:

- Công đoàn là một thành viên trong hệ thống chính trị xã hội của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.
- Công đoàn là trung tâm tập hợp, đoàn kết, giáo dục, rèn luyện, xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân và những người lao động.
- Công đoàn là chỗ dựa vững chắc của Đảng, là sợi dây nối liền Đảng với quần chúng công nhân lao động.
- Công đoàn là người cộng tác đặc lực của Nhà nước chuyên chính vô sản.

3. Tính chất của tổ chức Công đoàn Việt Nam:

a. Công đoàn Việt Nam có tính giai cấp và tính quần chúng.

- Tính chất giai cấp của CĐVN thể hiện ở chỗ nào?



- Tính chất quần chúng của CĐVN thể hiện ở chỗ nào?

b. *Tính giai cấp và tính quần chúng* của công đoàn có quan hệ với nhau ra sao ?

Câu 10: Trình bày những thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

GỢI Ý:

1. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.

- Các cao trào cách mạng từ 1930 đến thắng lợi của CMT8 năm 1945.
- Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền.
- Ý nghĩa lịch sử của thắng lợi CMT8.

2. Thắng lợi oanh liệt của các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc (1945-1975).

- Bối cảnh lịch sử sau 02/9/1945.
- Đường lối kháng chiến chống Pháp.
- Bối cảnh lịch sử sau 1954.
- Đường lối kháng chiến chống Mỹ.
- Kết quả và ý nghĩa của thắng lợi cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc (đánh đuổi thực dân Pháp và đế quốc Mỹ).

3. Thắng lợi của công cuộc đổi mới.

- Đường lối đổi mới trong văn kiện Đại hội lần thứ VI của Đảng.
- Thành tựu kinh tế, xã hội qua hơn 20 năm đổi mới để khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng.

4. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam (từ ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đến nay).

- Việc đề ra đường lối chính trị đúng đắn trong từng thời kỳ cách mạng.
- Đảng lãnh đạo toàn diện cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức.
- Tính khoa học và cách mạng trong đường lối của Đảng.
- Đảng chú trọng xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh.



- Đảng thường xuyên tổng kết, rút kinh nghiệm quá trình lãnh đạo của mình để hoàn thiện đường lối.

- Đảng lấy dân làm gốc./.

Lưu ý: Đây chỉ là gợi ý làm bài, sinh viên căn cứ theo Giáo trình của Tổng cục dạy nghề soạn nội dung chi tiết để làm bài thi đạt kết quả.